

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HSST

Ngày: 10 - 03 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Đinh Văn Tân

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 25/06/1992, tại xã TL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TT, xã TL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Bó: Lê Văn TH (Đã chết); Mẹ: Phạm Thị H, sinh năm: 1971; Nhân thân: Ngày 14/9/2015, bị Công an huyện Hậu Lộc xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền án: Ngày 25/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/10/2020, tính đến thời điểm phạm tội ngày 20/11/2021, bị cáo chưa được xoá án tích; Tiền sự: Ngày 26/01/2021, bị Công an Thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 16/3/2021, bị Công an huyện Hậu Lộc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 15/4/2021, bị Công an huyện Hậu Lộc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ không có giấy phép. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 20/11/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Tuấn L; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06/6/1979, tại xã TL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã TL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; có bố: Phạm Tuấn S (Đã chết); có mẹ: Phạm Thị C, sinh năm: 1947; Vợ: Nguyễn Thị TN, sinh năm: 1989 và 02 Con: Lớn nhất 14 tuổi nhỏ nhất 11 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 20/11/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

****Những người tham gia tố tụng:***

- Người bị hại :

1. Anh Bùi Văn L1 Sinh năm: 1992(vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bà Bùi Thị T1 Sinh năm: 1966(có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐN, xã TA, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
3. Bà Nguyễn Thị T2 Sinh năm: 1958(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn NT, xã NT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/11/2021, Phạm Tuấn L (SN 1979, trú tại thôn TĐ, xã TL, huyện HL) đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Lê Văn T (SN 1992, trú tại thôn TT, xã TL, huyện HL) gọi điện đến nhà T chơi. Sau đó, L điều khiển xe mô tô của mình biển kiểm soát 36R1-9065 đến nhà T. Tại đây, T rủ L đi trộm cắp chó bán lấy tiền tiêu xài thì được L đồng ý, T lấy bộ dụng cụ để bắt chó có sẵn từ trước gồm 01 ắc quy loại 12V nối bằng dây điện với bộ phận tăng điện áp đồng thời mặc 01 áo khoác màu đen, bên trong áo có 01 bút điện, 01 cuộn băng dính màu đen để buộc miệng chó khi bắt được, rồi khoác ngoài 01 áo vải cho kín đáo, đội mũ bảo hiểm ngồi sau xe do L điều khiển đi từ xã TL, huyện HL qua Quốc lộ 1A, rẽ vào Quốc lộ 217B, đi dọc qua xã TT, huyện T rồi đi đến khu vực khu 2, thị trấn VD thì T dùng công cụ đã chuẩn bị bắn trúng và bắt được 01 con chó giống cái, màu lông xám – trắng, khối lượng 18kg là chó nhà anh Bùi Văn L1 (SN 1990, trú tại khu phố 2, thị trấn VD, huyện T). T xuống xe quán bằng băng dính đen vào miệng con chó này, cho chó vào bì, treo ở giá giữa xe mô tô. Ngay sau đó, T và L đi qua Quốc lộ 45, rẽ vào tỉnh lộ 516 về thôn ĐN, xã TA, huyện T, dùng cách thức tương tự bắt được thêm 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng, khối lượng 15kg là chó của nhà bà Bùi Thị T1 (SN 1966, trú tại thôn ĐN, xã TA, huyện T). T xuống xe quán miệng con chó bằng băng dính đen, cho tiếp vào bì. Tiếp đó, T và L đi đến thôn NT, xã NT, huyện T, dùng cách thức tương tự bắt được 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng – trắng, khối lượng 13kg là chó nhà bà Nguyễn Thị T2 (SN 1958, trú tại thôn NT, xã NT, huyện T). Đến 16 giờ cùng ngày, khi L, T đang trên đường di chuyển từ xã NT, huyện T về xã H, huyện HT thì bị tổ công tác Công an xã NT phối hợp với Công an xã Hà Tiến, huyện Hà Trung bắt quả tang, T giữ toàn bộ tang vật và các dụng cụ, phương T2 thực hiện

việc trộm cắp phục vụ công tác điều tra. Ngay sau đó, Công an xã NT đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/HĐĐGTS-TT ngày 26/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T xác định:

- 01 con chó giống cái, màu lông xám – trắng, khối lượng 18kg có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.350.000 đồng;

- 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng, khối lượng 15kg có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.125.000 đồng;

- 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng – trắng, khối lượng 13kg có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 975.000 đồng.

Tổng cộng: 03 con chó bị chiếm đoạt ngày 20/11/2021 có tổng giá trị là 3.450.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình bắt quả tang và truy tìm vật chứng, Cơ quan điều tra đã T giữ:

- 03 con chó (có đặc điểm, khối lượng như trong biên bản bắt người phạm tội quả tang);

- 01 đoạn gỗ hình dạng khẩu súng, một đầu buộc bằng dây cao su màu vàng - xanh, gắn đoạn ống kim loại hình trụ, dán băng dính màu đen;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36R - 9065, cũ, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, cũ, đã qua sử dụng;

- 01 mũ bảo hiểm có chữ QUAN HUY, màu hồng;

- 01 áo vải kẻ ca rô màu vàng – nâu – xanh;

- 01 áo khoác màu đen không rõ nhãn hiệu, đã cũ, rách bên trong có 01 bút điện không rõ nhãn hiệu, 01 cuộn băng dính màu đen.

Ngoài ra, Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT truy tìm vật chứng theo lời khai của T thì T đã vứt bỏ trong đó có bình ắc quy, dây điện, bộ tăng áp nhưng không T giữ được.

Sau khi tiến hành định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã bàn giao 03 con chó cho các chủ sở hữu hợp pháp (Trong đó có 01 con chó còn sống của bà Nguyễn Thị T2 và 02 con chó đã chết là của bà Bùi Thị T1, ông Bùi Văn L1).

Những vật chứng còn lại đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị T2 đã nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường. Đối với bị hại bà Bùi Thị T1, ông Bùi Văn L1 nhận lại được các con chó bị trộm cắp, tuy nhiên chó đã chết phải tiêu huỷ nên bà T1 yêu cầu bồi thường tương ứng với số tiền định giá tài sản con chó là 1.125.000 đồng, ông Bùi Văn L1 yêu cầu bồi thường số tiền 1.350.000 đồng. Hiện các bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTT, ngày 26/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T, Phạm Tuấn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xử phạt Lê Văn T mức án tù từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2021).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để xử phạt Phạm Tuấn L mức án tù từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị T2 đã nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét. Đối với bị hại bà Bùi Thị T1, ông Bùi Văn L1 nhận lại được các con chó bị trộm cắp, tuy nhiên chó đã chết phải tiêu huỷ nên bà T1 yêu cầu bồi thường tương ứng với số tiền định giá tài sản con chó là 1.125.000 đồng, ông Bùi Văn L1 yêu cầu bồi thường số tiền 1.350.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà T1, ông L1.

Về vật chứng:

- Đối với vật chứng là: 01 đoạn gỗ hình dạng khẩu súng, một đầu buộc bằng dây cao su màu vàng -xanh, gắn đoạn ống kim loại hình trụ, dán băng dính màu đen; 01 mũ bảo hiểm có chữ QUAN HUY, màu hồng; 01 áo vải kẻ ca rô màu vàng – nâu – xanh; 01 áo khoác màu đen không rõ nhãn hiệu, đã cũ, rách bên trong có 01 bút điện không rõ nhãn hiệu, 01 cuộn băng dính màu đen. Là những vật không có giá trị sử dụng và công cụ phạm tội nên đề nghị tịch T tiêu huỷ.

- Đối với vật chứng là: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36R - 9065, cũ, đã qua sử dụng đây là công cụ, phương T2 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch T sung công quỹ nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo L.

Xác minh T nhập các bị cáo không có tài sản gì giá trị nên không đề nghị phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa người bị hại là bà T1 có mặt thống nhất với lời khai của các bị cáo và Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Phần bồi thường thiệt hại người bị hại Bùi Thị T1 yêu cầu bồi thường tương ứng với số tiền định giá tài sản con chó là 1.125.000 đồng, về hình phạt đề nghị HĐXX xét xử nghiêm minh theo pháp luật.

Phần dân sự ông Bùi Văn L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.350.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho người bị hại.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn T và Phạm Tuấn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã T thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chứng minh: Vào khoảng 11 giờ ngày 20/11/2021, Phạm Tuấn L (SN 1979, trú tại thôn TĐ, xã TL, huyện HL) đã gọi điện thoại rủ Lê Văn T (SN 1992, trú tại thôn TT, xã TL, huyện HL) đi trộm chó để lấy tiền tiêu sài thì L đồng ý. Sau đó T và L sử dụng bộ dụng cụ trộm chó có sẵn của T và điều khiển xe máy của L đi từ xã TL, huyện HL qua Quốc lộ 1A, rẽ vào Quốc lộ 217B, đi dọc qua xã TT, huyện T khi đi đến khu vực khu 2, thị trấn VD thì T dùng công cụ đã chuẩn bị bắn trúng và bắt được 01 con chó giống cái, màu lông xám – trắng, khối lượng 18kg là chó nhà anh Bùi Văn L1 (SN 1990, trú tại khu phố 2, thị trấn VD, huyện T) giá trị là 1.350.000đ. Sau đó, T và L đi qua Quốc lộ 45, rẽ vào tỉnh lộ 516 về thôn ĐN, xã TA, huyện T, dùng cách thức tương tự bắt được thêm 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng, khối lượng 15kg là chó của nhà bà Bùi Thị T1 (SN 1966, trú tại thôn ĐN, xã TA, huyện T) giá trị là 1.125.000đ. Cuối cùng, T và L đi đến thôn NT, xã NT, huyện T, dùng cách thức tương tự bắt được 01 con chó giống cái, màu lông đen – vàng – trắng, khối lượng 13kg là chó nhà bà Nguyễn Thị T2 (SN 1958, trú tại thôn NT, xã NT, huyện T) giá trị là 975.000đ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được là 3.450.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Phạm Tuấn L đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có đồng phạm giản đơn, có tính chất ít nghiêm trọng do các bị cáo thực hiện. Trong đó bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và rủ bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo L. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn nên cần xử nghiêm để đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo. Vì vậy, để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm và cần thiết cách ly các bị cáo

ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Tuấn L phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Lê Văn T phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và có 01 tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu nên trách nhiệm hình sự của bị cáo T cao hơn bị cáo L là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người bị hại là bà Bùi Thị T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tương ứng với số tiền định giá tài sản con chó là 1.125.000 đồng, ông Bùi Văn L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.350.000 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận.

[6] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh các bị cáo không có tài sản, T nhập, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng:

- Đối với vật chứng là: 01 đoạn gỗ hình dạng khẩu súng, một đầu buộc bằng dây cao su màu vàng -xanh, gắn đoạn ống kim loại hình trụ, dán băng dính màu đen; 01 mũ bảo hiểm có chữ QUAN HUY, màu hồng; 01 áo vải kẻ ca rô màu vàng – nâu – xanh; 01 áo khoác màu đen không rõ nhãn hiệu, đã cũ, rách bên trong có 01 bút điện không rõ nhãn hiệu, 01 cuộn băng dính màu đen. Là những vật không có giá trị sử dụng và công cụ phạm tội nên đề nghị tịch T tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36R - 9065, cũ, đã qua sử dụng, đây là công cụ, phương T2 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch T sung công quỹ nhà nước.

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, cũ, đã qua sử dụng là vật không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo L.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

T1 bố: Các bị cáo Lê Văn T và Phạm Tuấn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS

Xử phạt: Lê Văn T 15(mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2021).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS

Xử phạt: Phạm Tuấn L 06(sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/11/2021).

Áp dụng: Điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của BLDS 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về dân sự:

+ Buộc các bị cáo Lê Văn T, Phạm Tuấn L phải liên đới bồi thường cho bà Bùi Thị T1 tổng số tiền là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T1 số tiền là 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)

+ Buộc các bị cáo Lê Văn T, Phạm Tuấn L phải liên đới bồi thường cho ông Bùi Văn L1 tổng số tiền là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông L1 số tiền là 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T1, ông L1 có đơn thi hành án nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng các bị cáo T, L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng:

- Tịch T tiêu hủy: 01 đoạn gỗ hình dạng khẩu súng, một đầu buộc bằng dây cao su màu vàng -xanh, gắn đoạn ống kim loại hình trụ, dán băng dính màu đen; 01 mũ bảo hiểm có chữ QUAN HUY, màu hồng; 01 áo vải kẻ ca rô màu vàng – nâu – xanh; 01 áo khoác màu đen không rõ nhãn hiệu, đã cũ, rách bên trong có 01 bút điện không rõ nhãn hiệu, 01 cuộn băng dính màu đen.

- Tịch T sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36R - 9065, cũ, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, cũ, đã qua sử dụng.

Vật chứng hiện đang L1 giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/03/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Phạm Tuấn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người bị hại là bà T1. Các bị cáo và người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án. Người bị hại là anh Bùi Văn L1, Nguyễn Thị T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện T;
- L1 HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân